

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 196/2019/HSST

Ngày 27/11/ 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hương và bà Đặng Thị Việt Hoài.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 194/2019/HSST ngày 11 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2019/HSST- QĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 12/9/1993 tại Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị M; có vợ Trần Thị M và 01 con sinh năm 2016.

Nhân thân: Bản án số 196/2013/HSST ngày 22/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 22/5/2017 bị Công an thành phố Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 73/2018/HSST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 01 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/02/2019; Bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2019 cho đến nay.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã V, tp T, tỉnh Thái Bình.

(Bị cáo có mặt, bà T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/7/2019, bị cáo Trần Văn T thấy nhà bà Nguyễn Thị T không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà T để trộm cắp tài sản. Bị cáo trèo qua tường bao bên ngoài rồi đi vào trong sân, thấy cửa nách phòng ngủ bên trái không khóa mà chỉ khép, bị cáo dùng tay mở cửa rồi đi vào trong phòng. Quan sát trong phòng thấy trên giường có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A3, vỏ màu đen, bị cáo lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần bên phải đang mặc. Bị cáo tiếp tục lật chiếu trên giường lên thì thấy có 01 túi nilon màu trắng, bên trong có tiền Việt Nam, bị cáo lấy túi tiền cho vào túi quần đang mặc. Sau đó bị cáo đi ra bằng lối vào lúc trước, bị cáo kiểm tra thấy bên trong túi nilon có 03 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng và nhiều tờ tiền có mệnh giá khác nhau, bị cáo đếm tổng cộng được 5.000.000đồng. Sau khi trộm cắp bị cáo đi lên cửa hàng mua bán điện thoại của ông Nguyễn Văn C bán chiếc điện thoại Samsung galaxy A3 cho ông C với giá 700.000 đồng. Toàn bộ số tiền trộm cắp được bị cáo tiêu dùng các nhân hết.

- Bản kết luận định giá tài sản số 36/KLĐG-CATP ngày 23/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, kết luận “Tổng giá trị tài sản theo đề nghị của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thái Bình tại Văn bản yêu cầu định giá tài sản số 43 ngày 23/9/2019 là 1.000.000 đồng”.

Bản cáo trạng số 201/CT-VKSTPTB ngày 11/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố: Bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số vật chứng thu giữ của bị cáo không còn giá trị sử dụng (01 chiếc quần ngố màu xanh; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu trắng; 01 đôi dép lê đế sộp màu vàng).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 6.000.000đồng.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 án phí dân sự.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đúng quy định pháp luật, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người chứng kiến và được chứng minh bằng: Đơn trình báo, biên bản ghi lời khai của bị hại bà Nguyễn Thị T; Sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 05/7/2019; Bản tự khai và biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Văn C; Biên bản nhận dạng ngày 23/9/2019; Biên bản thực nghiệm điều tra và bản ảnh ngày 05/11/2019; Bản kết luận định giá tài sản số 36/KLĐG-CATP ngày 23/9/2019.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/7/2019, lợi dụng lúc không có người ở nhà. Bị cáo Trần Văn T có hành vi trèo tường, đột nhập vào phòng ngủ nhà bà Nguyễn Thị T trộm cắp 5.000.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A3, vỏ màu đen trị giá 1.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Trần Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội “Trộm cắp tài sản” quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án đưa ra xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy, đã bị Công an xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo không có tiền sự, có 01 tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Bị cáo có ý kiến không xin lại số vật chứng đã thu giữ của bị cáo: 01 chiếc quần ngắn màu xanh; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu trắng; 01 đôi dép lê đế sộp màu vàng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 6.000.000đồng. Vì vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho bà T tổng số tiền 6.000.000đồng.

[7] Về các vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với ông Nguyễn Văn Chung là người mua chiếc điện thoại Samsung galaxy A3 màu đen với giá 700.000 đồng, khi mua không biết là tài sản trộm cắp sau đó bán lại cho người đàn ông không quen biết với giá 700.000đồng nên cơ quan Điều tra không thu hồi được và không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584 Bộ Luật dân sự;

- Căn cứ Điều 106; 135; Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 năm 01 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 23/9/2019. Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 6.000.000đồng.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy của bị cáo 01 chiếc quần ngắn màu xanh; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu trắng; 01 đôi dép lê đế sộp màu vàng.

3. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự trong hình sự.

- “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Đối với người có mặt kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2019. Đối với những người vắng mặt kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- *Trạm giam công an tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND TP. Thái Bình;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP. Thái Bình;*
- *Công an thành phố Thái Bình;*
- *Bị cáo; người tham gia tố tụng.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh

